

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 09-7-2021

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất. và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thê Hồi; Ông: Trịnh Khắc Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:

Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên

Ngày 09/ 7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 12-10-2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quốc A và Bà Lê Thị V .

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt

Người làm chứng:

Anh Phan Văn T; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt

Anh Phan Văn T; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn thị trấn , huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt;

Bà Phan Thị T; Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2020, và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V là nguyên đơn trình bày như sau:

Năm 2021, gia đình tôi có mua một lô đất nông nghiệp của bà Phan Thị T (Tên gọi khác là bà B); vị trí lô đất tại tổ dân phố 3 thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Với diện tích 3227,5m². Gia đình tôi sử dụng lâu dài không có ai tranh chấp; đến năm 2008 gia đình tôi làm hồ sơ và được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 432385 do UBND huyện N tỉnh Kon Tum cấp ngày

30/5/2008 theo thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36, diện tích 3227,5m² Đến năm 2012, gia đình bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn Đ có tranh chấp với các hộ gia đình xung quanh, trong đó có một phần diện tích đất tranh chấp với gia đình tôi (Phần đuôi phía sau của thửa đất) Sau khi xem xét, giải quyết UBND huyện Ngọc Hồi đã ra văn bản và một lần nữa kết luận phần diện tích đất phía sau của thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình tôi (Có kèm theo văn bản của UBND huyện Ngọc Hồi và văn bản của UBND tỉnh Kon Tum).

Đến đầu năm 2020, khi gia đình tôi phát dọn phần diện tích đất (phần đuôi của thửa đất) thì gia đình ông Đinh Hữu P, bà Nguyễn Thị Diệu H ngăn cản và cho rằng đây là phần đất của họ, thậm chí ngang nhiên đổ gạch xây rào lấn chiếm qua phần đất của gia đình tôi. Nhưng thực tế, nguồn gốc đất của gia đình ông Ph, bà H là nhận chuyển nhượng lại từ ông Phan Văn T và ông Phan văn T. Trước khi ông T và ông T chuyển nhượng cho gia đình bà H, ông P thì ông T, ông T đã ký giáp ranh thửa đất của họ với gia đình tôi vào ngày 14/02/2001. Sau đó tôi đã kiến nghị sự việc này lên UBND thị trấn P huyện N giải quyết. Quá trình giải quyết, UBND thị trấn kết luận phần diện tích đất mà ông P, bà H lấn chiếm, đã xây hàng rào (Phần sau của thửa đất) thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi; Tức là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tôi. Vì vậy gia đình tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Hữu P, bà Nguyễn Thị Diệu H phải trả lại cho gia đình tôi toàn bộ diện tích đang lấn chiếm khoảng 200 m² phía sau của thửa đất và yêu cầu ông p, bà H tháo dỡ mọi công trình đã xây dựng trên phần đất đó, trả lại hiện trạng đất cho gia đình tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Hữu P trình bày: Năm 2000 gia đình tôi có mua của ông Phan Văn T cùng ông Phan văn T một lô đất ở tại 822 đường H thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có chiều ngang 11m, chiều dài khoảng 100m tới Suối cạn và từ đó đến nay chúng tôi đã đang sử dụng phần đất trên để chăn nuôi và trồng cây. Vào ngày 30/3/2020 ông A có qua bên phần đất phía sau của gia đình tôi phát dọn cây cỏ và có ý định xây dựng trái phép trên phần đất đó, gia đình tôi có xuống nói chuyện với ông A và được ông A cho biết, toàn bộ khu vực phía sau tường rào và phía trong tường rào khoảng 5 mét là của gia đình ông. Sau khi xảy ra sự việc trên gia đình chúng tôi lên phòng Tài nguyên huyện Ngọc Hồi hỏi và được biết phần đất của gia đình tôi và các hộ xung quanh đã nằm trên phần đất của ông A. Tôi đi hỏi chủ đất cũ để xác nhận lại là bà Phan Thị T và hai con của bà là ông Phan Văn T, và ông Phan Văn T đã khẳng định không bán đất cho ai ngoài gia đình tôi. Vậy thì ông A có giấy tờ gì để làm giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất hợp lệ. Năm 2008 ông Lê Quốc A được cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, không biết vì lý do gì cán bộ địa chính đi kiểm tra thực tế để làm giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lại cấp chồng lên đất của chúng tôi, khi đó đã xây tường rào và đang sử dụng. Vì vậy, chúng tôi sử dụng và chủ quyền mảnh đất đó là hợp lệ. Chúng tôi không đồng ý về việc yêu cầu trả lại đất cho ông Lê Quốc A. Việc cấp Quyền sử dụng đất cho ông A là không đúng quy định pháp luật

Những người làm chứng bà Phan Thị T trình bày ý kiến:

Năm 2001 tôi không có sang nhượng đất cho ông A và bà V, nhưng năm đó tôi có cho con gái tôi là Phan Thị Q diện tích đất mặt đường quốc lộ 14 là 5 mét và chiều dài lô đất từ mặt đường vào đến suối cạn. Con gái tôi đã bán phần đất đó cho ông A và bà V. Khi đó ông A có gọi tôi đến để ký xác nhận việc mua bán giữa ông A và con tôi, ông A có cho tôi 50.000đ (Năm mươi ngàn). Chứ không phải tôi bán đất cho ông A.

Năm 2002 Tôi không có sang nhượng đất cho bà O, nhưng phần đất đó là của gia đình tôi, tôi đã cho con tôi là Phan Văn T và Phan Văn T được quyền sử dụng, định đoạt, các con tôi đã chuyển nhượng lại cho bà O, khi làm giấy tờ do giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên tôi, nên tôi phải đứng tên trong hợp đồng sang nhượng đất.

Phần đất phía sau tôi không có bán cho bà O (Nay là của ông Đinh Hữu P) và cũng không có bán cho ông A, bà V. Phần đất phía sau đó tôi đã cho con tôi là T và T có quyền quyết định tôi không liên quan gì nữa.

Anh Phan Văn T trình bày: Năm 2002 tôi và anh trai tôi là Phan Văn T có bán cho bà Đinh Thị Kiều O một lô đất ngang quốc lộ 14 là 10 mét dài từ Quốc lộ 14 vào hết lô đất là 40 mét tổng diện tích 400 m². Lô đất này do mẹ tôi là bà Phan Thị T cho tôi và anh trai. Chúng tôi chỉ bán cho bà O diện tích như trên còn phần đất phía sau là đất rẫy của mẹ tôi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi:

- Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 195; Điều 144, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 163, 169, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm của hộ gia đình ông A, bà V là 132,1 m²; tháo dỡ toàn bộ tường rào đã xây dựng trên phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, bà V diện tích là 48,3 m².

Căn cứ Điều 144, 147 BLTTDS; khoản 4 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ. (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002511 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người được ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan, kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tỉnh Kon Tum tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông P trả lại 132,1 m² diện tích đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại tổ dân phố 3, thị trấn P huyện N, tỉnh Kon Tum; tháo dỡ công trình tường rào xây dựng trái phép trên đất. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; và tháo dỡ công trình trên đất*”. Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Kon Tum thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V thì thấy:

[2.1] Về vị trí, nguồn gốc đất tranh chấp: có diện tích là 132,1 m² vị trí nằm phía sau đất nhà ông Đinh Hữu P, phía sau cuối đất của ông Lê Quốc A, có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V có chiều dài 12,5 m. Phía Bắc giáp đất ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V có chiều dài 10,5 m. Phía nam giáp đất ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H có chiều dài 10,9 m. Phía Tây giáp đất ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H có chiều dài 11,7 m. (Có sơ đồ kèm theo); diện tích đất này thuộc thửa đất được UBND huyện Ngọc Hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số AM 432385, số vào sổ cấp GCNQSD: H 10344, ngày 30/5/2008, có diện tích 3227,5 m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3 thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, cấp cho ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V.

Về nguồn gốc lô đất của ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V, nhận chuyển nhượng lại của bà Phan Thị T vào năm 2001, vợ, chồng ông đã làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất vào ngày 05/5/2007.

Ngày 16/10/2007 Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, lập biên bản xét duyệt đất trong đó có hộ ông Lê Quốc Anh. Hội đồng xác định xác định nguồn gốc sử dụng đất nông nghiệp đang sản xuất là nhận chuyển nhượng năm 2001. Tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất là không có. Đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.

Ngày 16/10/2007 UBND thị trấn Plei Kần lập danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Lê Quốc A.

Ngày 31/10/2007 UBND thị trấn P lập biên bản về việc kết thúc công khai kết quả xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thời gian công khai hồ sơ là 15 ngày, kể từ ngày 16/10/2007. Trong thời gian nói trên UBND thị trấn Plei Kần không tiếp nhận bất cứ đơn nào khiếu nại của người sử dụng đất. Vì vậy, việc thẩm tra, xác minh về đất của các hộ xin cấp đất đúng diện tích và đúng với người đang sử dụng đất. UBND huyện Ngọc Hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số AM 432385, số vào sổ cấp GCNQSD: H 10344, ngày 30/5/2008, có diện tích 3227,5 m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36, địa chỉ thửa đất tại

tổ dân phố 3 thị trấn P, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum, cho ông Lê Quốc A là hoàn toàn đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 2003,

Trong quá trình sử dụng đất thì đầu năm 2012 gia đình Bà Trần Thị T có làm lấn chiếm sang phần đất phía sau của gia đình ông A, và đã được UBND huyện N giải quyết, bà T đã trả lại phần đất lấn chiếm phía sau (Theo Quyết định số 334/QĐ-GQTC ngày 25/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum BL- 08. Quyết định số 32/QĐ-CTUBND ngày 30/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện N BL-06. Kèm theo sơ đồ trích lục) Từ đó đến nay thì không có ai tranh chấp. Đầu năm 2020 gia đình ông phát dọn lại vườn thì bị gia đình ông Phúc ra ngăn cản, Gia đình ông đã có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, UBND thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi đã tiến hành đo đạc và kết luận phần diện tích mà gia đình ông P, bà H đã lấn chiếm và xây dựng hàng rào (Phần sau của thửa đất) thuộc quyền sở hữu của gia đình Ông A. Vì vậy việc khởi kiện đòi lại đất của gia đình ông Anh là có cơ sở.

Đối với gia đình ông Đinh Văn P Cho rằng mảnh đất đang tranh chấp trước đây vào năm 2000 gia đình bà Phan Thị T có sang nhượng lại lô đất cho bà Đinh Thị Kiều O. Bà Đinh Thị Kiều O sang nhượng lại cho ông mặt đường rộng 11m và kéo dài đến suối cạn. thửa đất số 66; tờ bản đồ: 4-A-7 diện tích 400m².(10m x 40m). Năm 2010 gia đình ông mua thêm 01 lô đất liền kề của ông Nguyễn Đức H diện tích 424m²; số tờ bản đồ: 4-A-7, thửa đất số 65b, QSDĐ số 00123/2002/93/QĐUB. Qua xem xét đo đạc thực tế, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2021 thì phần đất của ông Đinh Hữu P, bà Nguyễn Thị Diệu H vẫn đảm bảo diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Còn phần đất đang tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất của Ông A. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V là có căn cứ buộc ông Đinh Hữu P và Bà Nguyễn Thị Diệu H trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 132,1 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của của ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V và tháo dỡ công trình tường rào đã xây dựng trên đất.

[2.2] Về tài sản trên đất: Qua biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum xác định và các đương sự đều thừa nhận: trên diện tích 132,1 m² đất đang tranh chấp, ông Phúc đã xây dựng tường rào bằng gạch không tô, vữa xi măng có chiều cao: 2,1 m; chiều dài 23 m. Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V được chấp nhận nên ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H phải tháo dỡ tường rào trên đất để trả lại diện tích đất cho gia đình ông A.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A và bà V, buộc ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H phải trả lại cho ông A và bà V 132,1m² diện tích đất đã lấn chiếm, phải tháo dỡ toàn bộ tường rào đã xây dựng trên đất,

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông A, bà V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng vào ngày 18/6/2021. Đơn khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Đinh Hữu P, Nguyễn Thị Diệu H phải trả lại số tiền 5.000.000đ chi phí, xem xét, thẩm định tại chỗ cho ông A, bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLTTDS..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 195, khoản 1 Điều 157; Điều 158; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 97, 99, 100; 105, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 158; 160, 161, 163, 164, 166 189 Bộ Luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V.

1. Buộc ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H phải trả lại cho vợ chồng ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V 132,1 m² đất có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V có chiều dài 12,5 m. Phía Bắc giáp đất ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V có chiều dài 10,5 m. Phía nam giáp đất ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H có chiều dài 10,9 m. Phía Tây giáp đất ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H có chiều dài 11,7 m. (Có sơ đồ kèm theo); diện tích đất này thuộc thửa đất được UBND huyện Ngọc Hồi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số AM 432385, số vào sổ cấp GCNQSD: H 10344, ngày 30/5/2008, có diện tích 3227,5 m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3 thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, cấp cho ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H phải tháo dỡ công trình tường rào, xây gạch không tô, vữa xi măng: Chiều cao là 2,1m x Dài 23m= 48,3 m² đã xây dựng trên diện tích đất 132,1 m² đã lấn chiếm để trả lại đất cho ông Lê Quốc A và bà Lê Thị V.

3. Buộc ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H phải trả lại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho ông A, bà V.

4. Về án phí: Ông Đinh Hữu P và bà Nguyễn Thị Diệu H cùng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông A 300.000đ. theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002511 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao Đà Nẵng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành